

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường mầm non Cẩm Đoài

Mã ĐVQHNS: 1016893

Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 02/04/2025 09:12:31
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu
vực V
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	700.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	697.900.000	697.900.000	0	0	0	802.100.000
13	071	00000	0	4.958.137.000	4.958.137.000	4.958.137.000	4.958.137.000	1.269.910.080	1.269.910.080	0	0	0	3.688.226.920
Cộng:			0	5.658.137.000	6.458.137.000	6.458.137.000	6.458.137.000	1.967.810.080	1.967.810.080	0	0	0	4.490.326.920
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Hồng Dương

Người ký: Cao Văn Dông
Ngày ký: 02/04/2025 09:12:37
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu vực V

Cao Văn Dông

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Vân
Ngày ký: 01/04/2025 08:26:27
Đơn vị: Trường mầm non Cẩm Đoài

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết
Ngày ký: 01/04/2025 08:26:27
Đơn vị: Trường mầm non Cẩm Đoài

Nguyễn Thị Vân

Nguyễn Thị Tuyết

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường mầm non Cẩm Đoài

Mã ĐVQHNS: 1016893

Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 04/04/2025 09:47:14
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu
vực V
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	071	6552	00000	0	0	62.555.000	62.555.000	62.555.000	62.555.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	071	6949	00000	0	0	591.865.000	591.865.000	591.865.000	591.865.000
Tài sản và thiết bị khác	12	071	6999	00000	0	0	27.780.000	27.780.000	27.780.000	27.780.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	071	7001	00000	0	0	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	602.394.000	602.394.000	602.394.000	602.394.000
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	24.472.000	24.472.000	24.472.000	24.472.000
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	25.258.000	25.258.000	25.258.000	25.258.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	7.677.200	7.677.200	7.677.200	7.677.200
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	209.359.000	209.359.000	209.359.000	209.359.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	85.709.000	85.709.000	85.709.000	85.709.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	129.767.000	129.767.000	129.767.000	129.767.000
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	22.245.000	22.245.000	22.245.000	22.245.000
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	14.752.000	14.752.000	14.752.000	14.752.000
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	7.415.000	7.415.000	7.415.000	7.415.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	5.489.600	5.489.600	5.489.600	5.489.600

Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	22.728.280	22.728.280	22.728.280	22.728.280
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	104.540.000	104.540.000	104.540.000	104.540.000
Cộng:					0	0	1.967.810.080	1.967.810.080	1.967.810.080	1.967.810.080
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Hồng Dương

Người ký: Cao Văn Đồng
Ngày ký: 04/04/2025 09:47:14
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khoa vực V

Cao Văn Đồng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Vân
Ngày ký: 04/04/2025 14:27:48
Đơn vị: Trường mầm non Cẩm Duối

Nguyễn Thị Vân

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết
Ngày ký: 04/04/2025 08:45:08
Đơn vị: Trường mầm non Cẩm Duối

Nguyễn Thị Tuyết